TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 502/2019/DS-ST
Ngày 29/11/2019
V/v Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Xuân Hương

2. Bà Trần Thị Lợi

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh: không tham gia phiên Tòa.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 411/2019/TLST-DSST ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 342/2019/QĐST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 259/2019/QĐST-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B (Viết tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ trụ sở: Số 89, đường H, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng TMCP B kiêm Phó giám đốc Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ; (Theo văn bản ủy quyền số 11/2018/QQ-HĐQT ngày 02/3/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP B);

Ông T ủy quyền lại cho: Ông Phạm Quốc K – Chuyên viên xử lý nợ; Ông Phạm Nguyễn Quốc T - Chuyên viên xử lý nợ; (Theo văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 11 năm 2019).

Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số C, đường Cao T, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Phước L, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Số 64/18A, đường S, tổ 01, ấp 1, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 24/4/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP A (viết tắt Ngân hàng) có ký hợp đồng tín dụng với ông Lê Phước L. Theo đó, Hợp đồng tín dụng (viết HĐTD) giải ngân ngày 24/09/2015 (Căn cứ đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm HĐTD ký ngày 21/09/2015), thỏa thuận vay số tiền 13.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất cho vay là 28%/năm, lãi suất cố định, mục đích vay tiêu dùng; hình thức vay tín chấp; Hợp đồng tín dụng (viết HĐTD) giải ngân ngày 18/8/2015 (Căn cứ đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm HĐTD ký ngày 10/8/2015), thỏa thuận vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay là 28%/năm, lãi suất cố định, mục đích vay tiêu dùng; hình thức vay tín chấp. Cách tính lãi: Bắt đầu tính lãi sau ngày giải ngân dựa trên dư nợ gốc giảm dần qua các lần thanh toán. Lãi trong hạn = Nợ gốc * lãi suất* (số ngày quá hạn chia 360 ngày). Lãi suất quá hạn =150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng tín dụng đã ký dẫn đến chuyển sang nợ quá hạn, phía Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện để để ông L thanh toán nhưng ông L cố tình né tránh và không thực hiện.

Đối với HĐTD giải ngân ngày 24/9/2015, kể từ ngày vay vốn đến nay ông L đã thanh toán cho Ngân hàng 04 lần với số tiền 8.386.630đ, trong đó nợ gốc là 1.115.899đ và nợ lãi là 7.270.731đ. Tổng dư nợ tính đến ngày 20/11/2019 là 25.750.629đ (trong đó nợ gốc là 11.884.101đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 13.866.528đ).

Đối với HĐTD giải ngân ngày 18/8/2015, kể từ ngày vay vốn đến nay ông L đã thanh toán cho Ngân hàng 09 lần với số tiền 22.929.257đ, trong đó nợ gốc là 9.726.699đ và nợ lãi là 13.202.558đ. Tổng dư nợ tính đến ngày 20/11/2019 là 108.125.089đ (trong đó nợ gốc là 40.273.301đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 67.851.788đ).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lê Phước L thanh toán số tiền tổng cộng của 02 hợp đồng tín dụng là 133.875.718đ, yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu ông L phải thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo quy định tại các HĐTD đã ký kết từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy ủy quyền, 02 Biên bản xác nhận nhu cầu vay vốn kèm hợp đồng lao động; 02 Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm HĐTD, 02 Bảng chiết tính lãi đến ngày 20/11/2019, Chứng minh nhân dân và sổ tạm trú của ông L.

Bị đơn ông Lê Phước L đã được Tòa án tống đạt: Thông báo thụ lý; Thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Bị đơn ông Lê Phước L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu ông Lê Phước L có trách nhiệm trả số tiền là 25.750.629đ (trong đó nợ gốc là 11.884.101đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 13.866.528đ) và số tiền 108.125.089đ (trong đó nợ gốc là 40.273.301đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 67.851.788đ); yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu ông Lê Phước L phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh theo quy định tại các HĐTD đã ký kết từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: VPBank có ký hợp đồng tín dụng, cho ông Lê Phước L vay số tiền 13.000000đ theo HĐTD giải ngân ngày 24/9/2015 và số tiền 50.000000đ theo HĐTD giải ngân ngày 18/8/2015 theo các nội dung thỏa thuận như phía nguyên đơn trình này là đúng. Ông L đã nhận đủ tiền vay đối với 02 hợp đồng trên. Tính đến ngày 20/11/2109, dư nợ của ông L đối với 02 hợp đồng tín dụng trên như sau: Đối với HĐTD giải ngân ngày 24/9/2015, dư nợ là 25.750.629đ (trong đó nợ gốc là 11.884.101đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 13.866.528đ) là đúng; Đối với HĐTD giải ngân ngày 18/8/2015, dư nợ là 108.125.089đ (trong đó nợ gốc là 40.273.301đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 67.851.788đ) là đúng. Việc ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, ông L vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Tại phiên Tòa hôm nay, phía nguyên đơn yêu cầu ông L phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh theo quy định tại các HĐTD đã ký kết từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận; Cần buộc ông Lê Phước L trả cho nguyên đơn số tiền là 25.750.629đ (trong đó nợ gốc là 11.884.101đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 13.866.528đ) và số tiền là 108.125.089đ (trong đó nợ gốc là 40.273.301đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 67.851.788đ); tổng cộng 02 khoản là 133.875.718đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ

gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong 02 hợp đồng đã thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại: Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực ngày 01/01/2011;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP B về việc yêu cầu ông Lê Phước L thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số nợ tổng cộng là 133.875.718đ (một trăm ba mươi ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm mười tám đồng).

Buộc ông Lê Phước L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền là 25.750.629đ (hai mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng [trong đó nợ gốc là 11.884.101đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 13.866.528đ] và số tiền là 108.125.089đ (một trăm lẽ tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn không trăm tám mươi chín đồng [trong đó nợ gốc là 40.273.301đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 67.851.788đ]; tổng cộng 02 khoản là 133.875.718đ (một trăm ba mươi ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm mười tám đồng); trả một lần số tiền trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm là 6.693.785 đồng (sáu triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng) buộc ông Lê Phước L phải nộp.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí 2.977.227 đồng (hai triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng) theo biên lai thu tiền số 0022221, ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hà Thị Xuân Lan